

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2024

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Túc

Các Hội thẩm nhân dân

Bà Phan Thị Bích

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 2 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1990;

HKTT: **Xóm T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi ở hiện tại: **Tầng B, số nhà C đường V, quận Q, thành phố Đ, Đài Loan**; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Chu Văn H1** – Luật sư **Công ty L2, Đoàn luật sư thành phố H**.

Bị đơn: Anh **Bùi Đức L**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: **Xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bản tự khai nguyên đơn chị **Lê Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị H** và anh **Bùi Đức L** kết hôn ngày 24/7/2012, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **L**, tỉnh **Hòa Bình**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Đầu năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 7 năm 2023, chị **H** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng do vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị **H** thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin ly hôn anh **Bùi Đức L**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Bùi Lê Hiền A**, sinh ngày: 17/02/2013. Sau ly hôn, chị **Lê Thị H** đề nghị giao cháu **Hiền A** cho anh **Bùi Đức L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hoặc khi anh **L** yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà xây kiên cố 02 tầng, diện tích 70m² được xây dựng vào năm 2022 trên một phần đất của bố, mẹ đẻ chị **H**, địa chỉ nhà ở **Thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa**, chị **H** đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận phân chia sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị **H** và anh **Bùi Đức L** không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho anh **Bùi Đức L** nhưng anh **L** đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 06/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã tiến hành xác minh với ông **Bùi Văn A1**, sinh năm 1959 là bố đẻ của anh **Bùi Đức L**. Qua xác minh, ông **A1** cung cấp: Chị **Lê Thị H** và anh **Bùi Đức L** kết hôn năm 2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **L**, tỉnh **Hòa Bình**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị **H** đi lao động ở Đài Loan nên tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Bùi Lê Hiền A**, sinh ngày 17/02/2013, hiện cháu đang ở cùng anh **Bùi Đức L** và gia đình ông **Bùi Văn A1**. Về tài sản chung vợ chồng, ông **A1** cho biết vợ chồng anh **L** chị **H** có 01 căn nhà xây 02 tầng, diện tích khoảng 70m², xây trên đất của bố đẻ chị **H** ở Thanh Hóa.

Về nơi cư trú của anh **L**, ông **A1** cho biết: Anh **Bùi Đức L** có hộ khẩu thường trú tại **Xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình**. Hiện anh **L** đi lái xe thuê không có mặt ở nhà, thỉnh thoảng vẫn về nhưng ông không biết cụ thể khi nào anh **L** về, Ông **A1** xác nhận những lần Tòa án triệu tập đến Tòa ông đều nhận được và thông báo cho anh **L** biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **Lê Thị H** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **Bùi Đức L** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án; Nguyên đơn chị **Lê Thị H** vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị

đơn anh **Bùi Đức L** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; Khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35, điểm e Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T; Đề nghị:

Về hôn nhân đề xử cho chị **Lê Thị H** được ly hôn anh **Bùi Đức L**.

Về con chung: cần chấp nhận đề nghị của chị **H**, giao con chung là cháu **Bùi Lê Hiền A**, sinh ngày 17/02/2013 cho anh **Bùi Đức L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị **H** đề nghị được giải quyết sau khi các đương sự có yêu cầu.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp:

Chị **Lê Thị H** khởi kiện xin ly hôn anh **Bùi Đức L** và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Chị **H** hiện đang cư trú ở nước ngoài, anh **L** có hộ khẩu thường trú ở **Xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình**. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị **Lê Thị H** đã cung cấp đầy đủ tài liệu có liên quan đến yêu cầu xin ly hôn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **H**.

Anh **Bùi Đức L** vắng mặt, không cung cấp văn bản nêu ý kiến tới Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ anh **L** tới phiên tòa lần thứ hai nhưng anh **L** vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **L** là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Lê Thị H** và anh **Bùi Đức L** kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã **M, huyện L, tỉnh Hòa Bình** ngày:24/7/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Đầu năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống và nhiều nguyên nhân khác, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 7 năm 2023, chị **H** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng do vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Theo chị **H** thì hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với **Bùi Văn L1**.

Căn cứ tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, đánh giá của Hội đồng xét xử tại phiên tòa; Thấy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị H**.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Bùi Lê Hiền A**, sinh ngày 17/02/2013. Do chị **H** hiện đang đi lao động ở nước ngoài, cháu **Hiền A** hiện đang ở với bố là **Bùi Đức L**. Căn cứ vào điều kiện thực tế và để đảm bảo điều kiện tốt nhất sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị **H**, giao con chung là cháu **Hiền A** cho anh **Bùi Đức L** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, cần ghi nhận đề nghị của chị **H**, về việc chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hoặc khi anh **L** có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung cần ghi nhận đề nghị của chị **Lê Thị H** đó là tài sản được phân chia sau, khi các đương sự có yêu cầu.

[6] Về công nợ chung vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Lê Thị H** đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh **Bùi Đức L** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; Khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; điểm e Khoản 1 Điều 37; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; 238; 271; 273; Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị H** được ly hôn anh **Bùi Đức L**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Bùi Lê Hiền A**, sinh ngày 17/02/2013 cho anh **Bùi Đức L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận việc chị tự nguyện của chị **Lê Thị H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Lê Thị H** có quyền thăm nom con chung mà không ai được phép cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận đề nghị của chị **Lê Thị H** về chia tài sản chung sau khi ly hôn hoặc khi các đương sự có yêu cầu.

4. *Về án phí:* Chị **Lê Thị H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị **H** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004018 ngày 23/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình, chị **H** không phải nộp thêm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị **Lê Thị H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật

Anh **Bùi Đức L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã Mỹ Thành, Lạc Sơn
- Lưu HSVA; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Túc